

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC- THẠC SĨ NGÀNH: ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

	Tên ngành	Mã số ngành	Khoa quản lý ngành
Ngành Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7580201	Khoa kỹ thuật xây dựng
Ngành Thạc sĩ	Địa kỹ thuật xây dựng	8580211	Khoa kỹ thuật xây dựng

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KHTN	Toán & Khoa học tự nhiên
CT	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
NN	Ngoại ngữ
CSN	Cơ sở ngành/Nhóm ngành
CN BB	Chuyên ngành bắt buộc
CN TC	Chuyên ngành tự chọn
TC	Tự chọn tự do (không yêu cầu phải trong chuyên ngành)
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
LVTN	Luận văn tốt nghiệp

❖ Năm học I:

Học kỳ 1 – 20 TC			Học kỳ 2 – 19 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 1	2	NN	Anh văn 2	2	NN
Giáo dục Quốc phòng	0	GDQP	Giáo dục thể chất 2	0	GDTC
Giáo dục thể chất 1	0	GDTC	Giải tích 2	4	KHTN
Đại số tuyến tính	3	KHTN	Vật lý 2	3	KHTN
Giải tích 1	4	KHTN	Hóa đại cương	3	KHTN
Vật lý 1	4	KHTN	Vẽ kỹ thuật xây dựng	3	CSN
Nhập môn kỹ thuật	3	KHTN	Cơ lý thuyết	4	CSN
Con người và môi trường	3	KHTN			
Thí nghiệm vật lý	1	KHTN			

❖ Năm học II:

Học kỳ 3 – 20 TC			Học kỳ 4 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 3	2	NN	Anh văn 4	2	NN
Giáo dục thể chất 3	0	GDTC	Phương pháp tính	3	KHTN
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	CT	Cơ học kết cấu	4	CSN
Xác suất và thống kê	3	KHTN	Vật liệu xây dựng	3	CSN
Sức bền vật liệu	4	CSN	Địa chất công trình (*)	2	CSN
Trắc địa đại cương	3	CSN	Cơ lưu chất	3	CSN
Các môn tự chọn nhóm A (chọn <u>tối thiểu 3 TC</u> trong nhóm sau)			Thực tập nhận thức ngành (KTCTXD)	1	CSN

Hóa vô cơ	3			
Sinh học đại cương	3			

❖ Năm học III:

Học kỳ 5 – 17 TC			Học kỳ 6 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	CT
Cơ học đất	4	CSN	Cấp thoát nước	2	CSN
Kết cấu bê tông cốt thép 1	2	CSN	Nền móng (*)	2	CSN
ĐAMH kết cấu bê tông cốt thép 1	1	CSN	ĐAMH nền móng	1	CSN
Phương pháp phần tử hữu hạn	3	CSN	Kỹ thuật thi công	3	CSN
Kết cấu thép 1	2	CSN	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	CSN
Các môn tự chọn nhóm B (chọn <u>tối thiểu</u> 3 TC trong nhóm sau)			ĐAMH kết cấu bê tông cốt thép 2	1	CSN
Nguyên lý kinh tế và quản lý xây dựng	3	KHTN	Kết cấu thép 2	2	CSN
Luật và kinh tế xây dựng	3	CSN	ĐAMH kết cấu thép	1	CSN
			Thực tập tốt nghiệp	3	CSN

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học IV:

Học kỳ 7 – 14 TC			Học kỳ 8 – 14 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Đề cương luận văn tốt nghiệp	0	LVTN	Luận văn tốt nghiệp	9	LVTN
Công trình trên đất yếu	3	CSN	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	CT
Thí nghiệm công trình	1	CSN	<i>Các môn tự chọn nhóm D (chọn tối thiểu 3 TC trong nhóm sau)</i>		
Tổ chức thi công	3	CSN	Thông gió	3	CSN
ĐAMH tổ chức thi công	1	CSN	Quy hoạch đô thị bền vững	3	CSN
<i>Các môn tự chọn nhóm C (chọn tối thiểu 6 TC trong nhóm sau)</i>			Kết cấu thép công trình cao	3	CSN
Kết cấu bê tông cốt thép 3	3	CSN	Hư hỏng sửa chữa công trình	3	CSN
Nhà nhiều tầng	3	CSN	Tin học trong quản lý xây dựng	3	CSN
Kết cấu bê tông ứng suất trước	3	CSN			
Động lực học kết cấu	3	CSN			
Kiến trúc	3	CSN			
Quản lý dự án xây dựng	3	CSN			

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Địa kỹ thuật xây dựng:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTBS	Kiến thức bổ sung
KTC BB	Kiến thức chung bắt buộc
KTC TC	Kiến thức chung tự chọn
KTCN BB	Chuyên ngành bắt buộc
KTCN TC	Chuyên ngành tự chọn
LVThS	Luận văn thạc sĩ

Chương trình theo hướng ứng dụng

❖ Năm học I:

Học kỳ 1 – 12 TC			Học kỳ 2 – 15 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Cơ học đất nâng cao 1	3	KTCN BB	Triết học	3	KTC BB
Phương pháp phân tử hữu hạn trong địa kỹ thuật xây dựng	3	KTCN BB	Các môn học chung (Quản lý và lãnh đạo, Đổi mới sáng tạo & Khởi nghiệp, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội, Quản lý chất lượng, Quản lý dự án, Kỹ năng phân tích, viết, xuất bản NCKH)	6	KTC TC
<i>Địa chất công trình nâng cao (*)</i>	3	KTCN BB	<i>Các môn tự chọn (chọn <u>tối thiểu 6 TC</u> trong nhóm sau)</i>		
<i>Kỹ thuật Nền Móng Nâng Cao (*)</i>	3	KTCN BB	Kỹ thuật xử lý nền đất yếu	2	KTCN TC

			Động học đất	2	KTCN TC
			Tính toán công trình ngầm	2	KTCN TC
			Ổn định mái dốc	2	KTCN TC
			Lý thuyết dẻo trong đất	2	KTCN TC

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học II:

Học kỳ 3 – 6 TC			Học kỳ 4 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Đề cương luận văn	0	ĐC LV	Luận văn thạc sĩ	12	LVThS
<i>Các môn tự chọn chọn <u>tối thiểu 6 TC</u> trong nhóm sau</i>					
Cơ học đất nâng cao 2	2	KTCN TC			
Các phương pháp khảo sát hiện trường và thí nghiệm đất trong phòng	2	KTCN TC			
Cơ học đá	2	KTCN TC			
Đào sâu trong đất	2	KTCN TC			
Tường chắn đất	2	KTCN TC			

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

Chương trình theo hướng nghiên cứu

❖ Năm học I:

Học kỳ 1 – 12 TC			Học kỳ 2 – 9 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Cơ học đất nâng cao 1	3	KTCN BB	Triết học	3	KTC BB
Phương pháp phân tử hữu hạn trong địa kỹ thuật xây dựng	3	KTCN BB	Các môn học chung (Quản lý và lãnh đạo, Đổi mới sáng tạo & Khởi nghiệp, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội, Quản lý chất lượng, Quản lý dự án, Kỹ năng phân tích, viết, xuất bản NCKH)	6	KTC TC
<i>Địa chất công trình nâng cao (*)</i>	3	KTCN BB	Đề cương luận văn	0	ĐC LV
<i>Kỹ thuật Nền Móng Nâng Cao (*)</i>	3	KTCN BB	<i>Các môn tự chọn thêm</i>		
			Kỹ thuật xử lý nền đất yếu	2	KTCN TC
			Động học đất	2	KTCN TC
			Tính toán công trình ngầm	2	KTCN TC
			Ổn định mái dốc	2	KTCN TC

			Lý thuyết dẻo trong đất	2	KTCN TC
			Cơ học đất nâng cao 2	2	KTCN TC
			Các phương pháp khảo sát hiện trường và thí nghiệm đất trong phòng	2	KTCN TC
			Cơ học đá	2	KTCN TC
			Đào sâu trong đất	2	KTCN TC
			Tường chắn đất	2	KTCN TC

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ **Năm học II:**

Học kỳ 3 +4 – 24 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm
Luận văn thạc sĩ + Báo cáo khoa học	24	LVThS

3. Danh sách các môn học/khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy trong phần trình độ đại học:

Khi sinh viên học, đạt môn học/khối kiến thức trong CTĐT Thạc sĩ, các môn học/khối kiến thức này sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ			Chương trình đào tạo đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
<i>Địa chất công trình nâng cao</i>	3	KTCN BB	Địa chất công trình	2	CSN
<i>Kỹ thuật Nền Móng Nâng Cao</i>	3	KTCN BB	Nền móng	2	CSN

4. Đối tượng, tiêu chí và thời gian xét tuyển

- Người dự tuyển là sinh viên từ năm 3, có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7,0 điểm trở lên, theo thang điểm 10), có số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60.
- Thời gian xét tuyển: tại giữa học kỳ 4 của chương trình đào tạo đại học